*Ngày 29/10/2024 Họ và tên giáo viên: Trần Thị Cẩm*

*Tổ: Khoa học xã hội*

**Bài 4**

**CON NGƯỜI TRONG THẾ GIỚI KÌ ẢO**

**(Truyện truyền kì )**

*Môn học: Ngữ văn lớp 9*

*Thời gian thực hiện: 12 tiết*

**I. MỤC TIÊU :** Sau khi học xong bài học này, HS có thể:

1. **Về kiến thức**

**- Tri thức Ngữ văn:** Khái niệm truyện truyền kì; đặc điểm của truyện truyền kì: không gian, thời gian, nhân vật, cốt truyện, lời người kể chuyện. Cách đọc thể loại truyện truyền kì.

**- Tri thức tiếng Việt:** Phân biệt được lời người kể chuyển và lời của nhân vật; Lời đối thoại và lời độc thoại trong văn bản truyện.

**- Viết:** Viết được một truyện kể sáng tạo, có thể mô phỏng được một truyện đã đọc; sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện.

**- Nói và nghe:** Biết kể một câu chuyện tưởng tượng (có bối cảnh, nhân vật, cốt truyện,...)

1. **Năng lực**

**2.1. Năng lực chung**

– Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết phối hợp với bạn cùng nhóm, thực hiện công việc nhóm nhỏ; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bảnthân.

– Năng lực sáng tạo: Hình thành qua việc có cảm nhận mới mẻ về văn bản.

**2.2. Năng lực đặc thù**

– Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kì như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện.

– Nhận biết và phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật; lời đối thoại và lời độc thoại trong văn bản truyện.

– Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

– Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do văn bản đã học mang lại.

**3. Phẩm chất**

Biết cảm thông, chia sẻ với người khác trong học tập và cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

– SGK, SGV.

– Clip liên quan đến bài học.

– Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu clip.

– Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

– PHT.

– Sơ đồ, biểu bảng.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ (5 phút)**

**1. Hoạt động tìm hiểu chủ điểm và câu hỏi lớn của bài học**

***a. Mục tiêu:*** Có hứng thú về chủ điểm bài học *Con người trong thế giới kì ảo.* Xác định được tên chủ điểm, thể loại chính và câu hỏi lớn của bài học.

***b. Nội dung:*** HS lắng nghe yêu cầu, suy nghĩ cá nhân

***c. Sản phẩm***:

– Phần ghi chép của HS về tên chủ điểm của bài học, thể loại sẽ học.

– Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập của phần Đọc.

***d. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập*:

(1) GV yêu cầu HS: xem một đoạn clip *Từ Thức lấy vợ tiên* (link: https://www.facebook.com/watch/?v=2549652348617221) và trả lời câu hỏi: *Những câu chuyện kì lạ về con người trong thế giới kì ảo có thể mang lại cho ta những bài học gì?*

(2) Thể loại chính, câu hỏi lớn của bài học là gì?

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.

*\* Báo cáo, thảo luận:* 2 – 4 HS trình bày câu trả lời. HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

*\* Kết luận, nhận định:*

(1), (2) GV nhận xét câu trả lời của HS và hướng dẫn HS chốt lại tên chủ điểm *Con người trong thế giới kì ảo*, thể loại chính là *Truyện truyền kì.*

**2. Hoạt động xác định nhiệm vụ học tập**

***a. Mục tiêu:*** Nhận ra chủ điểm bài học và bước đầu trả lời câu hỏi lớn của bài học.

***b. Nội dung:*** Ý kiến cá nhân

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về chủ điểm bài học và câu hỏi lớn của bài học.

***d. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS quan sát nhanh nội dung phần Đọc trong SGK và trả lời câu hỏi: *Nhiệm vụ học tập chính của các em về Đọc ở bài học này là gì?*

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.

*\* Báo cáo, thảo luận:* 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

*\* Kết luận, nhận định:*GV tóm tắt nhiệm vụ học tập của phần Đọc: đọc VB 1 *Chuyện người con gái Nam Xương* (Nguyễn Dữ),VB 2 *Truyện lạ nhà thuyền chài* (Lê Thánh Tông)để hình thành kĩ năng đọc truyện truyền kì, đọc VB 4 *Dế chọi* (Bồ Tùng Linh)để thực hành kĩ năng đọc truyện truyền kì; đọcVB 3 *Sơn Tinh, Thủy Tinh* (Nguyễn Nhược Pháp)để hiểu thêm về chủ điểm bài học.

1. **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**ĐỌC VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**1. Hoạt động tìm hiểu tri thức đọc hiểu (45 phút)**

**1.1. Truyện truyền kì**

***a. Mục tiêu:*** Kích hoạt kiến thức nền về thể loại truyện. Bước đầu nhận biết được những đặc điểm của thể loại truyện truyền kì: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện.

***b. Nội dung:*** Yêu cầu học sinh làm việc cặp đôi trả lời các câu hỏi

***c. Sản phẩm*:** Nội dung đã điền của cột K và W trong phiếu K-W-L, những từ khoá liên quan đến các nội dung ở phần *Tri thức Ngữ văn*.

***d. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*GV yêu cầu HS:

(1) Nhóm hai HS cùng bàn hoàn thành cột K và W của phiếu K-W-L sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **K**  (Những điều em đã biết về thể loại truyện) | **W**  (Những điều em muốn biết thêm về thể loại truyện) | **L**  (Những điều em đã học được về thể loại truyện) |
| *Gợi ý:*  *– Em đã từng đọc những truyện nào? Các VB ấy có những điểm chung gì?*  *….* | Gợi ý:  – *Em muốn biết thêm điều gì về truyện?*  ......... |  |

(2) Nhóm hai HS đọc mục *Truyện truyền kì* trong SGK, đánh dấu những từ khoá, sau đó điền vào PHT số 1:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: TÌM ĐẶC ĐIỂM THỂ LOẠI TRUYỆN VÀ TRUYỆN TRUYỀN KÌ**  Dựa vào tri thức đã có về thể loại truyện, kết hợp với đọc mục *Truyện truyền kì* trong SGK, em hãy thực hiện điền thông tin vào dấu […]:  **1. Khái niệm truyện truyền kì**  Truyện truyền kì là thể loại […]. Tiêu biểu cho thể loại truyện truyền kì là các tác phẩm: [ …]  **2. Đặc điểm của truyện và truyện truyền kì**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **ĐẶC ĐIỂM** | **TRUYỆN** | **TRUYỆN TRUYỀN KÌ** | | Không gian | […]: | […]: | | Thời gian | […]: | […]: | | Nhân vật | […]: | […]: | | Cốt truyện | […]: | […]: | | Lời người kể chuyện | […]: | […]: |   **Nhận xét:** […] |

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm hai HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự sau: (1) 🡪 (2).

*\* Báo cáo, thảo luận:*

(1) 2 – 3 HS đại diện nhóm trình bày nội dung cột K và W của phiếu K-W-L. Nhóm HS khác bổ sung (nếu có). GV ghi chú tóm tắt nội dung trả lời của HS trên phiếu K-W-L chung của cả lớp.

(2) Đại diện 1 – 2 nhóm HS trả lời câu hỏi. Các nhóm HS còn lại nhận xét, bổ sung. GV ghi chú những từ khoá trong câu trả lời của HS lên bảng phụ.

*\* Kết luận, nhận định:*

(1) GV xác định những nội dung thống nhất mà các em đã biết về thể loại truyện; những vấn đề còn băn khoăn, cần trao đổi, tìm hiểu thêm về thể loại này, sau đó nhấn mạnh: truyện truyền kì là một trong các thể loại truyện: cổ tích, truyện thần thoại, truyện cười,...

(2) Dựa trên câu trả lời của HS, GV nhận xét, hướng dẫn HS xác định những từ khoá ở phần *Tri thức Ngữ văn* liên quan đến đặc điểm của thể loại truyện truyền kì. Sau đó, nhấn mạnh: truyện truyện kì có những đặc điểm chung với các thể loại truyện khác: có cốt truyện, thời gian, không gian xảy ra câu chuyện, có nhân vật, lời người kể chuyện. Tuy nhiên, đặc điểm riêng, nổi bật của truyện truyền kì là yếu tố kì ảo (trình chiếu bảng sau):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ĐẶC ĐIỂM** | **TRUYỆN** | **TRUYỆN TRUYỀN KÌ** |
| Không gian | chỉ nơi câu chuyện xảy ra | nơi con người và ma, quỷ, thánh thần tương giao |
| Thời gian | là thời điểm, khoảnh khắc khi sự việc, câu chuyện xảy ra | thời gian ở cõi trần khác với thời gian ở âm ti, thuỷ phủ hoặc thượng giới |
| Nhân vật | là con người hay loài vật, đồ vật đã được nhân hoá, nhân vật là đồ vật có tính cách của con người | là con người hay thần linh, ma, quỷ. Nhân vật là con người thường có những nét đặc biệt; nhân vật là thần linh, ma, quỷ thường mang tính cách của con người |
| Cốt truyện | là chuỗi các sự việc chính được sắp xếp theo một trình tự nhất định và có liên hệ chặt chẽ với nhau | truyện truyền kì thường sử dụng yếu tố kì ảo tạo nên những biến đổi bất ngờ và hợp lí hoá những điều ngẫu nhiên, bất bình thường trong cốt truyện |
| Lời người kể chuyện | là phần lời người kể dùng để thuật lại một sự việc cụ thể hay giới thiệu, miêu tả khung cảnh, con người, sự vật,… | là lời kể của một người biết hết mọi chuyện ở trần gian, địa phủ, thượng giới, mọi hành động, suy nghĩ của nhân vật. Lời của người kể chuyện thường chiếm tỉ lệ cao trong VB |

**Nhận xét:**

– Truyện và truyện truyền kì đều có cốt truyện, thời gian, không gian, nhân vật, lời người kể chuyện, lời độc thoại và đối thoại,...

– Đặc điểm cơ bản của truyện truyền kì là yếu tố kì ảo. Yếu tố đó thể hiện qua: Không gian; thời gian; nhân vật; cốt truyện và lời người kể chuyện.

**1.2. Lời đối thoại và độc thoại trong văn bản truyện**

***a. Mục tiêu:*** Phân biệt đượclời đối thoại và độc thoại trong truyện.

**b. Nội dung:** Hs đọc tri thức Ngữ văn để tìm hiểu về lời đối thoại và độc thoại trong văn bản truyện

***c. Sản phẩm*:** Câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*

(1)GV yêu cầu HS dựa vào phần *Tri thức Ngữ văn* trong SGK để trả lời câu hỏi: *Thế nào là lời đối thoại, độc thoại trong VB truyện, lời đối thoại và độc thoại khác nhau như thế nào?*

(2)Đọc đoạn trích sau và xác định đâu là lời đối thoại, đâu là lời độc thoại:

*Đoạn rồi nàng tắm gội sạch, ra bến Hoàng Giang ngửa mặt lên trời mà than rằng:*

*– Kẻ bạc mệnh này duyên phận hẩm hiu, chồng con rẫy bỏ, điều đâu bay buộc, tiếng chịu nhuốc nhơ, thần sông có linh, xin ngài chứng giám. Thiếp nếu đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc Mị Nương, xuống đất xin làm cỏ Ngu mĩ. Nhược bằng lòng chim dạ cá, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho diều quạ, và xin chịu khắp mọi người phỉ nhổ.*

(…) *Sinh dỗ dành:*

*– Nín đi con, đừng khóc. Cha về, bà đã mất, lòng cha buồn khổ lắm rồi.*

*Đứa con ngây thơ nói:*

*– Ô hay! Thế ra ông cũng là cha tôi ư! Ông lại biết nói chứ không như cha tôi trước kia chỉ nín thin thít.*

*Chàng ngạc nhiên gạn hỏi. Đứa con nhỏ nói:*

*– Trước đây, thường có một người đàn ông, đêm nào cũng đến, mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi, nhưng chẳng bao giờ bế Đản cả.*

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS trả lời câu hỏi.

*\* Báo cáo, thảo luận:* 1 – 2 HS trả lời câu hỏi, một số HS khác nhận xét, bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:*

– Lời đối thoại là giao tiếp luân phiên giữa người nói – người nghe; lời độc thoại là nói một mình.

– Trong đoạn trích trên, lời độc thoại là lời than của nhân vật "nàng", lời đối thoại là lời của nhân vật Sinh trao đổi với đứa con.

**2. Hoạt động đọc văn bản 1: *Chuyện người con gái Nam Xương (90 phút)***

**2.1. Chuẩn bị đọc**

***a. Mục tiêu:*** Liên hệ giữa trải nghiệm của bản thân với nội dung của VB, bước đầu dự đoán được nội dung VB.

***b.Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi ở mục Chuẩn bị đọc.

***c. Sản phẩm***: Câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*

(1) HS đọc thông tin về tác phẩm *Truyền kì mạn lục* trong SGKvà đánh dấu những thông tin quan trọng.

(2) HS trả lời câu hỏi: *Nêu một số chi tiết kì ảo trong các truyện kể dân gian mà em đã đọc và cho biết yếu tố thường được sử dụng trong các trường hợp nào và với mục đích gì?*

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

*\* Báo cáo, thảo luận:* 2 – 4 HS trình bày ý kiến, HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét, tổng kết ý kiến của HS, dẫn dắt vào bài học.

**2.2. Trải nghiệm cùng văn bản**

***a. Mục tiêu:***

– Củng cố, luyện tập các kĩ năng *Liên hệ, Theo dõi, Suy luận* trong quá trình đọc trực tiếp VB.

– Vận dụng kĩ năng *Theo dõi, Suy luận, Dự đoán, Đánh giá,* kĩ năng đọc diễn cảmtrong quá trình đọc VB.

***b. Nội dung:*** HS đọc văn bản và trả lời câu hỏi trong khi đọc; giới thiệu về tác giả, tác phẩm.

***c. Sản phẩm***: Giọng đọc và câu trả lời của HS cho những câu hỏi *Trải nghiệm cùng VB*.

***d. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*

(1) GV yêu cầu HS đọc diễn cảm VB (GV có thể đọc thị phạm cho HS nghe một số đoạn).

(2) Yêu cầu HS: Trong quá trình đọc VB, khi gặp những câu hỏi trong khung, tạm dừng khoảng 1 đến 2 phút để suy ngẫm, trả lời câu hỏi *Theo dõi, Suy luận, Dự đoán, Đánh giá* bằng cách ghi nhanh, vắn tắt câu trả lời ra giấy.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:*

(1) HS quan sát GV đọc thị phạm và thực hiện đọc trực tiếp VB.

(2) Cá nhân HS trả lời những câu hỏi ở phần *Trải nghiệm cùng VB* trong SGK.

*\* Báo cáo, thảo luận:*

(2) GV có thể tổ chức cho HS đọc VB, vừa mời 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trả lời câu hỏi. Sau đó mời một số HS khác nhận xét, bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:*

1. GV nhận xét, đánh giá về kết quả đọc trực tiếp của HS: Thái độ của HS đối với việc đọc, việc trả lời các câu hỏi ở phần *Trải nghiệm cùng VB*, cách thức HS thực hiện các kĩ năng đọc.

**a. Tác giả**

- Nguyễn Dữ (chưa rõ năm sinh và năm mất) quê ở Hải Dương, sống ở thế kỉ XVI (thời Lê – Mạc), từng đỗ cử nhân, làm quan một thời gian ngắn rồi về quê ẩn dật.

- Nguyễn Dữ có đóng góp quan trọng ở thể loại truyện truyền kì.

**b. Tác phẩm**

- Chuyện người con gái Nam Xương là truyện thứ 16 trong số 20 truyện của tập Truyền kì mạn lục.

- Bố cục văn bản: 3 phần:

+ Phần 1: Từ đầu đến… “lo liệu như đối với cha mẹ đẻ mình”: Cuộc hôn nhân giữa Trương Sinh và Vũ Nương

+ Phần 2: Tiếp đến … “nhưng việc trót đã qua rồi!”: Nỗi oan của Vũ Nương.

+ Phần 3: Còn lại: Vũ Nương được giải oan.

**2.3. Suy ngẫm và phản hồi**

***2.3.1. Tìm hiểu cốt truyện, sự kiện, bối cảnh, nhân vật***

***a. Mục tiêu***

– Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kì như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính.

– Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

***b. Nội dung:*** Hs thảo luận các câu hỏi trong SGK.

***c. Sản phẩm:*** PHT số 2, số 3, số 4.

***d. Tổ chức thực hiện:***

\* *Giao nhiệm vụ học tập:*

(1) Nhóm hai HS thực hiện PHT số 2 (câu 1 trong SGK).

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: TÓM TẮT CỐT TRUYỆN, TÌM HIỂU NỘI DUNG, BỐI CẢNH**  1. Em hãy đọc VB và tóm tắt cốt truyện theo sơ đồ sau:    Nội dung bao quát của truyện là: ........  2. Xác định trật tự thời gian, không gian, chuỗi sự kiện:   |  |  | | --- | --- | | Không gian |  | | Thời gian |  | |

(2)Nhóm hai HS thực hiện PHT số 3 (câu 2, 3 trong SGK).

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: TÌM HIỂU NHÂN VẬT VŨ NƯƠNG**  **Câu 2:** Các nhân vật trong VB gồm:..........Nhân vật chính là: .................................., nhân vật phụ là: ...............................................................  **Câu 3:** Nhân vật Vũ Nương:   |  |  | | --- | --- | | **Nhân vật Vũ Nương** | **Chi tiết tiêu biểu** | | Lời giới thiệu trực tiếp của người kể chuyện ở đoạn đầu VB |  | | Hành động, việc làm khi chồng đi chinh chiến |  | | Hành động, việc làm khi bị mắc oan |  |   Tính cách: ............................................................................................................................  ........................................................................................................................................................... |

(3)Nhóm hai HS điền vào PHT số 4 (câu 4 trong SGK).

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4: TÌM HIỂU NHÂN VẬT TRƯƠNG SINH** | |
| **Nhân vật Trương Sinh** | **Chi tiết tiêu biểu** |
| Lời giới thiệu trực tiếp của người kể chuyện ở phần đầu câu chuyện |  |
| Cách đối xử với vợ sau khi chinh chiến về |  |
| Nhận ra sự thật và gặp vợ lần cuối |  |
| Nhận xét về nhân vật: ........... | |

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Các nhóm HS lần lượt thực hiện từng nhiệm vụ.

\* *Báo cáo, thảo luận:* Một số nhóm trình bày kết quả, các nhóm khác góp ý, bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:*GV tóm tắt câu trả lời của HS và định hướng như sau:

1. **Tóm tắt truyện**

– Về tóm tắt cốt truyện: những sự kiện chính trong truyện là:

+ Trở thành chinh phụ (đoạn đầu): Vũ Thị Thiết lấy chồng – người “có tính đa nghi”; chồng đi chinh chiến, nàng một mình phụng dưỡng mẹ chồng và nuôi con nhỏ.

+ Mắc oan (đoạn tiếp theo): Trương Sinh trở về sau chinh chiến; đứa con không nhận Trương là cha, lại nói về một người cha khác đêm đêm vẫn về; Trương ghen tuông, quy cho Vũ Thị ngoại tình và đuổi nàng; Vũ Thị gieo mình xuống sông; Trương hiểu ra sự thật.

+ Giải oan (đoạn cuối): Vũ Thị gặp Phan Lang, người làng dưới thuỷ phủ; Phan Lang khuyên nàng về thăm chồng con, Vũ Thị nhờ Phan Lang nói với Trương lập đàn giải oan cho nàng; Trương Sinh lập đàn giải oan cho Vũ Thị.

– Nội dung bao quát: Thói ghen tuông của người chồng và số phận bất hạnh của nàng Vũ Thị Thiết.

– Không gian: Sự kiện được kể theo các phạm vi khác nhau: trần thế (thế giới thực) – thuỷ phủ (thế giới kì ảo) – trần thế, con người có thể đi về giữa hai thế giới. Thời gian: Sự kiện sắp xếp theo trình tự tuyến tính (việc gì xảy ra trước kể trước).

1. Nhân vật: Nhân vật chính: Vũ Nương; Trương Sinh, các nhân vật phụ: Bé Đản, Linh Phi, Phan Lang,…

**a.** Nhân vật Vũ Thị Thiết:

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhân vật Vũ Thị Thiết** | **Chi tiết tiêu biểu** |
| Lời giới thiệu trực tiếp của người kể chuyện ở đoạn đầu VB | “Tính đã thuỳ mị, nết na”, “tư dung tốt đẹp” |
| Hành động, việc làm khi chồng đi chinh chiến | Phụng dưỡng mẹ chồng già yếu, bệnh tật; lo tang mẹ chu toàn khi về già; chăm nuôi con nhỏ khôn lớn,… |
| Hành động, việc làm khi bị mắc oan | – Chịu oan, mọi lời phân trần (với Trường Sinh) đều vô hiệu  – Kêu oan cùng trời đất (lời độc thoại, mình nói với mình, với trời đất)  – Tìm cái chết trên bến Hoàng Giang  – Hiện hình trên sông, gặp lại chồng để minh oan cho mình |

**b.** Nhân vật Trương Sinh

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhân vật Trương Sinh** | **Chi tiết tiêu biểu** |
| Lời giới thiệu trực tiếp của người kể chuyện ở phần đầu câu chuyện | "Đa nghi, đối với vợ phòng ngừa quá sức" |
| Cách đối xử với vợ sau khi đi chinh chiến về | Nghe lời nói ngây thơ của đứa trẻ mà không suy xét, phân tích, nghi ngờ, hắt hủi vợ; động lòng thương khi vợ tự tử, tìm vớt xác vợ; nhận ra sự thật, gọi vợ trở về |
| Nhận xét: Trương Sinh thương vợ nhưng đa nghi một cách mù quáng, dẫn đến bi kịch gia đình | |

***2.3.2. Tìm hiểu yếu tố kì ảo, lời kể, lời thoại***

***a. Mục tiêu:***

– Nhận biết và phân tích được yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì.

– Nhận biết và phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật; lời đối thoại và lời độc thoại trong VB truyện.

***b. Nội dung:*** HS trả lời câu hỏi 5,6

***c. Sản phẩm:***  PHT số 5 vàcâu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*

(1) Nhóm HS thực hiện PHT số 5 (câu 5 trong SGK).

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HT SỐ 5: TÌM HIỂU CHI TIẾT KÌ ẢO TRONG TRUYỆN**   |  |  | | --- | --- | | **Chi tiết/ yếu tố kì ảo** | **Tác dụng đối với việc thể hiện chủ đề, tư tưởng** | | .....................................................  ..................................................... | ................................................................................  ................................................................................ | |

(2) Nhóm HS trả lời câu 6 trong SGK.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ.

*\* Báo cáo, thảo luận:* 1 – 2 HS trình bày kết quả, HS khác góp ý, bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:*

1. **Chi tiết/ yếu tố kì ảo**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chi tiết/ yếu tố kì ảo** | **Tác dụng thể hiện chủ đề,**  **tư tưởng** |
| Nhân vật và thế giới kì ảo: nhân vật Linh Phi, Phan Lang, … dưới thuỷ phủ  Linh Phi hoá thân vào con rùa, báo mộng cho Phan Lang và được Phan Lang cứu sống; việc cứu sống Vũ Thị, trả ơn Phan Lang của Linh Phi  Việc lậpđàn giải oan*,* cảnh Trương Sinh và Vũ Nương gặp gỡ trong cách biệt | Thể hiện niềm cảm thương số phận những người phụ nữ, thể hiện niềm mong ước: người tốt sẽ được thần nhân phù trợ |

1. **Lời đối thoại và độc thoại trong văn bản**

a. Lời nói của Vũ Thị Thiết trước khi tìm đến cái chết trên bến Hoàng Giang là lời độc thoại. Cơ sở xác định: lời dẫn của người kể chuyện, dấu hiệu lời thoại; cách xưng hô (Kẻ bạc mệnh này … – thần sông…), lời cầu xin, thề thốt (Nếu … Nhược bằng…),…

b. Lượt thoại thứ nhất của bé Đản với Trương Sinh có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của cốt truyện: làm cho Trương Sinh nghi ngờ lòng thuỷ chung của vợ, dẫn đến cái chết của nàng. Lượt thoại thứ 2: vừa minh oan cho Vũ Thị, vừa giúp Trương Sinh nhận ra sai lầm của mình.

***2.3.3. Khái quát đặc điểm thể loại truyện truyền kì***

***a. Mục tiêu:*** Nêu được một số dấu hiệu giúp nhận biết VB là truyện truyền kì.

***b. Nội dung:*** Hs thảo luận câu hỏi 7, SGK theo nhóm 4-6 em.

***b. Sản phẩm:*** PHT số 6.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS đọc lại *Tri thức đọc hiểu* và câu trả lời cho các câu hỏi 1, 2, 3, 4, 5 để thực hiện PHT số 6 (câu 7 trong SGK).

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6: ĐẶC ĐIỂM THỂ LOẠI TRUYỆN TRUYỀN KÌ**   |  |  | | --- | --- | | **Các yếu tố của truyện truyền kì** | **Thể hiện qua VB**  ***Chuyện người con gái Nam Xương*** | | Không gian: ................................................ | [ …] | | Thời gian: ................................................... | [ …] | | Nhân vật: .................................................... | [ …] | | Yếu tố kì ảo: ............................................... | [ …] | | Cốt truyện: ................................................. | [ …] | | Lời của người kể chuyện:  ................................................................... | [ …] | |

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm hai HS thực hiện PHT số 6.

*\* Báo cáo, thảo luận:* Hai nhóm trình bày kết quả, các nhóm khác bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:* Dựa vào *Tri thức đọc hiểu* và câu trả lời của HS, GV tóm tắtnhững đặc điểm của truyện truyền kì được thể hiện qua VB *Chuyện người con gái Nam Xương*.

***2.3.4. Liên hệ, vận dụng***

***a. Mục tiêu:*** Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.

***b. Nội dung: Trả lời các câu hỏi***

***b. Nội dung:*** Sơ đồ tóm tắt các đặc điểm của thể loại truyện truyền kì và những ghi chú khi đọc VB *Truyện lạ nhà thuyền chài.*

***c.Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm HS thảo luận câu 8 trong SGK.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện bài theo kĩ thuật khăn trải bàn.

*\* Báo cáo, thảo luận:* Mời các HS có ý kiến khác nhau trình bày quan điểm của mình. Lưu ý: đây là câu hỏi mở, GV không nên áp đặt câu trả lời.

*\* Kết luận, nhận định:*GV tổng kết câu trả lời của HS, sau đó chia sẻ quan điểm của GV.

|  |  |
| --- | --- |
| **Các yếu tố của truyện truyền kì** | **Thể hiện qua VB**  ***Chuyện người con gái Nam Xương*** |
| Không gian: nơi con người và ma, quỷ, thánh thần tương giao. | Không gian trần thế (thế giới thực) - thuỷ phủ (thế giới kì ảo) - trần thế, con người có thể đi về giữa hai thế giới. |
| Thời gian: Có sự khác biệt về thời gian ở cõi trần với cõi âm ti, thuỷ phủ hoặc nơi thượng giới (biểu hiện qua nhịp độ nhanh chậm của thời gian); con người có thể sống nhiều đời, nhiều cuộc đời hoặc sống nhờ các phép thuật kì ảo. | Sự kiện sắp xếp theo trình tự tuyến tính (việc gì xảy ra trước kể trước). |
| Nhân vật: là con người hay thần linh, ma, quỷ. Nhân vật là con người thường có những nét đặc biệt; nhân vật là thần linh, ma, quỷ thường mang tính cách của con người | Vừa có nhân vật là con người, vừa có nhân vật là thần linh (Vũ Thị Thiết, Trương Sinh, bé Đản, Linh Phi,...) |
| Cốt truyện: thường sử dụng yếu tố kì ảo tạo nên những biến đổi bất ngờ và hợp lí hóá những điều ngẫu nhiên, bất bình thường trong cốt truyện. | Có nhiều yếu tố kì ảo:  - Nhân vật và thế giới kì ảo: nhân vật Linh Phi, Phan Lang, … dưới thuỷ phủ.  - Linh Phi hoá thân vào con rùa, báo mộng cho Phan Lang và được Phan Lang cứu sống; việc cứu sống Vũ Thị, trả ơn Phan Lang của Linh Phi.  - Việc lập đàn giải oan, cảnh Trương Sinh và Vũ Nương gặp gỡ trong cách biệt. |
| Lời của người kể chuyện: là lời kể của một người biết hết mọi chuyện ở trần gian, địa phủ, thượng giới, mọi hành động, suy nghĩ của nhân vật. Lời của người kể chuyện thường chiếm tỉ lệ cao trong VB. | - Đan xen giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật.  - Người kể chuyện biết hết mọi chuyện ở trần gian, địa phủ. |

**2.4. Khái quát đặc điểm thể loại và hướng dẫn đọc văn bản *Truyện lạ nhà thuyền chài (90 phút)***

***a. Mục tiêu:*** Khái quát đặc điểm thể loại và rút ra cách đọc truyện truyền kì.

***b. Nội dung:*** Thực hiện theo yêu cầu

***b. Sản phẩm:*** Sơ đồ tóm tắt các đặc điểm của thể loại truyện truyền kì và những ghi chú khi đọc VB *Truyện lạ nhà thuyền chài.*

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*

(1) Các nhóm HS thiết kế sơ đồ tóm tắt các đặc điểm của thể loại truyện truyền kì.

(2) HS chuẩn bị trước VB *Truyện lạ nhà thuyền chài*: đọc box tóm tắt về *Thánh Tông di thảo*, đọc VB và trả lời câu hỏi phần *Chuẩn bị đọc, Trải nghiệm cùng VB*.

*\* Thực hiện nhiệm vụ* và *Báo cáo, thảo luận:*

(1) Các nhóm trình bày sơ đồ, sau đó, so sánh, nhận xét xem sơ đồ của nhóm nào đầy đủ, chính xác, trình bày khoa học, đẹp mắt.

(2) HS ghi chú cách đọc trước *Truyện lạ nhà thuyền chài* (thực hiện ở nhà).

*\* Kết luận, nhận định*: GV nhận xét về sơ đồ của các nhóm và lưu ý cách đọc truyện truyền kì (tham khảo sơ đồ sau):

Cách đọc: Đọc truyện nói chung, truyện truyền kì nói riêng đều cần tóm tắt cốt truyện, phân tích nhân vật, không gian, thời gian, lời người kể chuyện. Tuy nhiên, khi đọc truyện truyền kì, cần tìm và phân tích vai trò của yếu tố kì ảo.

**3. Hoạt động đọc văn bản 2: *Truyện lạ nhà thuyền chài***

**3.1. Chuẩn bị đọc**

***a. Mục tiêu:*** Kích hoạt kiến thức nền của HS về nhân vật trong văn học Việt Nam.

***b. Nội dung:*** Đọc theo yêu cầu và trả lời các câu hỏi lớn

***c. Sản phẩm:*** Phần chuẩn bị ở nhà của HS, phần trình bày sản phẩm đã chuẩn bị trước lớp.

***d. Tổ chức thực hiện:***

\* *Giao nhiệm vụ học tập:* HS chia sẻ với bạn câu trả lời cho các các câu hỏi *Chuẩn bị đọc* và *Trải nghiệm cùng VB*.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

*\* Báo cáo, thảo luận:* 2 HS báo cáo kết quả.

*\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét, tóm tắt câu trả lời của HS, từ đó dẫn dắt vào bài học.

**3.2. Trải nghiệm cùng văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Đọc VB và sử dụng một số kĩ năng đọc khi trả lời các câu hỏi *Trải nghiệm   
cùng VB.*

***b. Nội dung***

***c. Sản phẩm***: Phần đọc trực tiếp VB của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* (1) 2 HS đọc thành tiếng toàn VB; (2) trả lời các câu hỏi về kĩ năng đọc trong VB.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ.

*\* Báo cáo, thảo luận:* 2 HS đọc và trả lời các câu hỏi về kĩ năng đọc VB.

*\* Kết luận, nhận định:*

(1) GV nhận xét về kết quả đọc thành tiếng của HS.

(2) GV góp ý cho câu trả lời của HS, nhận xét về cách HS thực hiện kĩ năng *Đọc*, kĩ năng *Theo dõi, Suy luận*, chỉ ra những điểm HS cần rèn luyện để thực hiện thành thạo kĩ năng này trong quá trình đọc.

**3.3. Suy ngẫm và phản hồi**

***3.3.1. Tìm hiểu nội dung câu chuyện, không gian, thời gian và nhân vật trong truyện***

***a. Mục tiêu:*** Nêu được nội dung bao quát của VB; nhận biết được các sự kiện, nhân vật, không gian và thời gian trong truyện.

***b. Nội dung: Trả lời các câu hỏi theo yêu cầu***

***c. Sản phẩm:*** PHT số 7 và câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*

(1) NhómHS thực hiện PHT số 7 (câu 1 trong SGK).

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 7: TÓM TẮT THEO CÁC SỰ KIỆN CHÍNH CỦA VĂN BẢN**  A diagram of a diagram  Description automatically generated  ***Nhận xét về cách sắp xếp*** các sự kiện trong câu chuyện được sắp xếp theo trật tự thời gian, không gian: ........................................................................................................................................................................... |

(2)NhómHS thực hiện PHT số 8 (câu 2, 3 trong SGK).

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 8: TÌM HIỂU VỀ NHÂN VẬT TRONG VĂN BẢN**   |  |  | | --- | --- | | **Về việc chọn nghề của Thúc Ngư** | **Về tính cách nhân vật Ngoạ Vân** | | Đồng tình/ không đồng tình: …................. | Tính cách của Ngoạ Vân: ….................. | | Lí giải: | Nhận xét: | |

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.

*\* Báo cáo, thảo luận:* Các nhóm trình bày sơ đồ, cả lớp so sánh, nhận xét.

*\* Kết luận, nhận định:*

**Câu 1:**GV dựa trên nội dung các phần đã được đánh số trong SGK, hướng dẫn HS tóm tắt và dựa vào các sự kiện trong câu chuyện được sắp xếp theo trình tự thời gian xảy ra các sự kiện, kết hợp không gian thực với không gian ảo.

**Câu 2:** Về nhân vật Thúc Ngư, GV có thể gợi ý thêm cho HS: Giải thích quan niệm về việc học của Thúc Ngư qua các lời thoại:

*– Trong sách có cá không?*

*– Lấy lời nói và việc làm của thánh hiền mà đánh cá có được không?*

*– Trong sách đã không có cá, lời nói lại không thể đem đánh được cá, con học làm gì?*

Ba lượt thoại trên thể hiện quan niệm đơn giản của Thúc Ngư: Phải lấy động cơ, hiệu quả thực tế (giúp cha mẹ đánh được nhiều cá, bớt lam lũ, vất vả) làm mục đích để quyết định có đi học hay không. Mục đích của việc học là để giúp cha mẹ kiếm sống bằng nghề cá thuận lợi hơn: *Con nghĩ cha mẹ tuổi già mà gia tư lại bần bạc, muốn tìm một người vợ về làm thay cha mẹ, chung sức lại có thể kiếm được nhiều tiền hơn, may ra nghiệp nhà có thể khá lên được ít nhiều*.

**Câu 3**: Tính cách của nhân vật Ngoạ Vân:

– Thuỳ mị, nết na, tháo vát, giỏi giang.

– Trong bốn năm làm dâu, chăm chỉ chung sức gây dựng cơ đồ nhà chồng và là chỗ dựa vững chắc cho công việc đánh cá, giúp nhà chồng giàu có lên.

– Khi tai hoạ xảy ra, nàng đã hết lòng và xả thân cứu sống cả gia đình nhà chồng cùng gia sản của họ.

– Thể hiện tình nghĩa vẹn toàn, chu đáo khi bắt buộc phải từ giã gia đình nhà chồng.

– Thể hiện phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam truyền thống qua từng lời nói, hành vi ứng xử của nàng.

***3.3.2. Tìm hiểu yếu tố kì ảo và ngôn ngữ của văn bản***

***a. Mục tiêu:***

**–** Nêu được tác dụng của chi tiết kì ảo.

– Nhận biết được lời độc thoại, đối thoại trong lời truyện truyền kì.

– Khái quát được kiến thức về thể loại truyện truyền kì.

***b. Nội dung: Trả lời các câu hỏi***

***c. Sản phẩm:*** PHT số 9 (câu 4 trong SGK) và câu trả lời của HS cho câu 5, 6 trong SGK.

***d. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*

(1) Nhóm 5 HS thực hiện PHT số 9 (câu 4).

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 9: TÌM HIỂU YẾU TỐ KÌ ẢO TRONG TRUYỆN TRUYỀN KÌ**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Chi tiết/ yếu tố kì ảo** | **Tác dụng khắc hoạ nhân vật** | **Tác dụng thể hiện chủ đề** | | *Nhân vật và thế giới kì ảo*: nhân vật Ngoạ Vân, cha mẹ Ngoạ Vân, "gã bán kinh"; cuộc gặp gỡ kì lạ ở không gian biển khơi, đảo ấp; yếu tố "thiên cơ" và những luật lệ khác ở trần gian | Thể hiện nét đặc biệt của nhân vật kì ảo (có sức mạnh siêu nhiên), đồng thời thể hiện hình ảnh, tính cách của con người | Làm rõ chủ đề: ca ngợi sự hiếu nghĩa của người phụ nữ Việt Nam qua câu chuyện tình kì ảo giữa con người và thần linh | | *Hành động kì ảo*: việc gã bán kinh đưa cha mẹ Thúc Ngư về nhà, thuật rẽ nước và phép thuật chống lại sóng dữ của Ngoạ Vân | |

(2) Nhóm hai HS trả lời câu 5 trong SGK.

(3) Nhóm 2 HS xem lại tri thức đọc hiểu và các câu trả lời (câu 6) trong SGK.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự (1) 🡪 (2) 🡪 (3).

*\* Báo cáo, thảo luận:* 4 – 6 HS trình bày sản phẩm. Các HS khác góp ý, bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:*GV tóm tắt câu trả lời của các nhóm, bổ sung:

**Câu 4:** Tác dụng khắc hoạ nhân vật: thể hiện nét đặc biệt của nhân vật kì ảo (có sức mạnh siêu nhiên), đồng thời thể hiện hình ảnh, tính cách của con người; Tác dụng thể hiện chủ đề:Ca ngợi sự hiếu nghĩa của người phụ nữ Việt Nam qua câu chuyện tình kì ảo giữa con người và thần linh.

**Câu 5:**

– **5a:**

+ Bài thơ ở đoạn 1: Bốn dòng thơ đầu chủ yếu tự sự; các dòng cuối kết hợp tự sự với biểu cảm (cụm từ mang tính biểu cảm: *cũng thật là* ...).

+ Bài hát ở đoạn 4: Lời của Ngoạ Vân (hát đi hát lại) để giã biệt chồng, cha mẹ chồng, và cũng nói với cả trời đất (*ông xanh*), đây cũng là một dạng đối thoại/ độc thoại nội tâm.

– **5b:** Tác dụng của việc dùng lời thơ ở đoạn 1, lời hát ở đoạn 4: nhằm đa dạng hoá ngôn ngữ kể chuyện, lời kể bằng thơ nhằm gợi tả cuộc sống lương thiện, cần mẫn, đầm ấm của vợ chồng ông ngư; lời thoại bằng bài hát thể hiện tình cảm buồn thương, tiếc nuối của nhân vật Ngoạ Vân.

(3) **Câu 6:** *Truyện lạ nhà thuyền chài* là một truyện truyền kì vì đã thể hiện đầy đủ các đặc điểm của truyện truyền kì: không gian, thời gian, nhân vật, cốt truyện của truyện đều mang đậm yếu tố   
kì ảo.

***3.3.3. Liên hệ, vận dụng***

***a. Mục tiêu:*** Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.

***b. Nội dung: Hs thực hiện theo yêu cầu***

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS (câu 7) trong SGK.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* Nội dung lời bàn của Sơn Nam Thúc là gì? Sau khi đọc lời bàn này, hiểu biết của em về VB có gì thay đổi?

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thảo luận theo nhóm.

*\* Báo cáo, thảo luận:* Một số HS chia sẻ suy nghĩ của mình.

*\* Kết luận, nhận định:*GV tóm tắt các câu trả lời của GV và chia sẻ ý kiến của mình.

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**

**1. Hoạt động hướng dẫn Đọc mở rộng theo thể loại: *Dế chọi (20 phút)***

***a. Mục tiêu:***

– Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kì như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện.

– Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

– Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại

**b. Nội dung:** Trả lời câu hỏi phần suy ngẫm và phản hồi

***c. Sản phẩm:*** Bảng tóm tắt các yếu tố trong đặc điểm của truyện truyền kì qua VB *Dế chọi.*

***d. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* GV hướng dẫn HS thực hiện ở nhà các nhiệm vụ học tập sau:

(1) Đọc VB *Dế chọi* trong SGK.

(2) Hoàn thành câu hỏi 1, 2, 3, 4, 5, 6.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

*\* Báo cáo, thảo luận:* HS báo cáo kết quả thực hiện vào tiết báo cáo sản phẩm đọc.

*\* Kết luận, nhận định:*GV kết luận, nhận định vào tiết báo cáo sản phẩm đọc.

**2. Hoạt động đọc kết nối chủ điểm: *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh***

***a. Mục tiêu:***

– Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung VB.

– Liên hệ, kết nối với VB *Chuyện người con gái Nam Xương, Truyện lạ nhà thuyền chài* để hiểu hơn về chủ điểm *Con người trong thế giới kì ảo*.

***b. Nội dung:*** Thực hiện theo yêu cầu

***c. Sản phẩm***: Câu trả lời cho các câu hỏi 1, 2, 3, 4 trong SGK.

***d. Tổ chức thực hiện:*** Thực hiện ở nhà và báo cáo trong tiết báo cáo sản phẩm đọc.

**3. Hoạt động báo cáo sản phẩm Đọc mở rộng theo thể loại và Đọc kết nối chủ điểm**

**3.1. Trình bày kết quả đọc văn bản *Dế chọi (25 phút)***

***a. Mục tiêu:*** Báo cáo sản phẩm Đọc mở rộng theo thể loại.

***b. Nội dung:*** Trả lời các câu hỏi

***c. Sản phẩm:*** Phần trình bày kết quả đọc của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

\* *Giao nhiệm vụ học tập:* GVyêu cầu HS xem lại và hoàn thiện sản phẩm nhiệm vụ đọc đã thực hiện ở nhà và chuẩn bị chia sẻ trong nhóm.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS xem lại và hoàn thiện sản phẩm đã thực hiện.

*\* Báo cáo, thảo luận:* HS chia sẻ kết quả nhiệm vụ đọc với bạn cùng nhóm, sau đó chia sẻ trước lớp, các HS khác nhận xét, bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:*

**Câu 1:** Diễn biến sự kiện:

– Tục dâng tiến dế cho vua quan khiến dân quê khốn đốn. Thành Danh bị giao nộp và phải tìm mọi cách để bắt được dế quý.

– Danh tìm được một con thì đứa con trai làm sổng mất. Đứa con trai sợ quá bỏ đi và chết   
dưới giếng.

– Theo lời một cô đồng, Danh tìm được con dế lạ, Danh đem chọi với các con dế khác và luôn luôn thắng cuộc.

– Dế được đem tiến lên trên, quan trên và vua đều rất hài lòng. Nhờ đó, quan được thăng tiến. Thành Danh cũng được ban thưởng. Con Thành Danh hoá dế trở lại làm người, gia đình Danh hưởng bổng lộc, đời đời sung túc.

**Câu 2:** Tục lệ dâng tiến dế cho vua đã tác động đến mọi hạng người trong xã hội:Quan tỉnh lệnh quan huyện nộp dế, quan huyện yêu cầu lí trưởng, lí trưởng ép buộc người dân. Trong đó, mọi sức nặng đè lên người dân, khiến nhiều người bị đánh đập, khuynh gia bại sản.

**Câu 3:**

– Điểm tương đồng: Trước và sau khi bắt được dế quý, số phận Thành Danh đều bị lệ thuộc vào việc tìm bắt được dế quý.

– Điểm khác biệt: Trước khi bắt được dế: Thành Danh là nạn nhân; sống trong tình trạng lo lắng, khốn khổ, điêu đứng; tai hoạ ập đến: dế sổng, con chết; sau khi bắt được dế: được trọng vọng, ân thưởng, sống đời sống sung túc, con trai sống lại.

**Câu 4:** Yếu tố kì ảo:Tác dụng trong việc thể hiện chủ đề: tố cáo tầng lớp quan lại, vua chúa: vì ý thích quái gở của mình mà làm cho bao người lâm vào cảnh cùng quẫn.

**Câu 5**: Các yếu tố của truyện truyền kì được thể hiện thông qua các sự kiện: cầu cúng cô đồng, cô đồng cho chỉ dẫn để bắt được dế, con trai làm dế chết, dế hoá thân thành con khác, dế bị gà bắt nhưng lại cắn được gà, con trai chết đi nhưng sau đó sống lại; nhân vật kì ảo: cô đồng, con dế,...

**Câu 6:** Lời bàn của tác giả ở cuối truyệngiúp cho người đọc hiểu rõ hơn chủ đề, thông điệp của tác giả.

**3.2. Trình bày kết quả đọc văn bản *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh***

***a. Mục tiêu:*** Báo cáo sản phẩm Đọc kết nối chủ điểm tại lớp.

***b. Nội dung:*** Thực hiện theo yêu cầu

***c. Sản phẩm:*** Phần trình bày kết quả đọc của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

\* *Giao nhiệm vụ học tập:* HS xem lại và hoàn thiện sản phẩm nhiệm vụ đọc đã thực hiện ở nhà và chuẩn bị chia sẻ trong nhóm.

\* *Thực hiện nhiệm vụ:* HS chia sẻ với bạn kế bên.

*\* Báo cáo, thảo luận:* Một số HS trình bày câu trả lời, các HS khác bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét câu trả lời của HS và có thể hướng dẫn HS kết luận một số vấn đề về VB *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* theo định hướng tham khảo sau:

**Câu 1:** Một số chi tiết kì ảo trong VB:

– Đoàn dẫn lễ của Sơn Tinh: *Theo sau năm chục con voi xám/ Hục hặc, lưng cong phủ gấm điều/ Tải bạc, kim cương, vàng lấp loáng,/ Sừng tê, ngà voi và sừng hươu.*

– Đoàn dẫn lễ của Thuỷ Tinh: *Theo sau cua đỏ và tôm cá,/ Chia đội năm mươi hòm ngọc trai./ Khập khiễng bò lê trên đất lạ,/ Trước thành tấp tểnh đi hàng hai*.

– Thuỷ Tinh gây hấn: *Thuỷ Tinh cưỡi lưng rồng hung hăng./ Cá voi quác mồm to muốn đớp,/ Cá mập quẫy đuôi, cuồng nhe răng,/ Càng cua lởm chởm giơ như mác,/ Tôm kềnh chạy quắp đuôi xôn xao.*

**Câu 2:** Một số chi tiết phản ánh tục thi tài kén rể, cảnh dẫn lễ vật, tình cảnh lưu luyến, bịn rịn của cô dâu – bố, mẹ cô dâu, cảnh rước dâu,... Nhờ các chi tiết đó, bài thơ đã làm sống dậy khung cảnh cuộc sống ngày xưa và nét văn hoá cổ truyền của người Việt Nam.

**Câu 3:** Chủ đề: Thông qua cuộc thi tài của hai vị thần Sơn Tinh, Thuỷ Tinh, tác giả lí giải hiện tượng lũ lụt theo quan niệm dân gian.

Cảm hứng chủ đạo của VB: Ngợi ca việc vua Hùng chọn được rể hiền tài, tinh thần thượng võ của Sơn Tinh.

**Câu 4:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nhân vật được miêu tả** | **Sơn Tinh, Thuỷ Tinh**  **(trong thơ Nguyễn Nhược Pháp)** | **Sơn Tinh, Thuỷ Tinh**  **(trong truyền thuyết)** |
| Nhân vật Sơn Tinh | Có nhiều chi tiết miêu tả ngoại hình, hành vi, lời nói, giống con người. Ví dụ: *Sơn Tinh ngồi bạch hổ đi đầu/ Mình phủ áo bào hồng ngọc dát/ Tay ghì cương hổ, tay cầm lau* | Chỉ có lời kể hành động, sự việc; hầu như không có các chi tiết miêu tả ngoại hình, hành vi, lời nói |
| Nhân vật Thuỷ Tinh | Có nhiều chi tiết miêu tả ngoại hình, hành vi, lời nói giống con người  Ví dụ: *Thuỷ Tinh ngồi trên lưng rồng vàng,/ Yên gấm tung dài bay đỏ choé,/ Mình khoác bào xanh da giời quang* | Chỉ có lời kể hành động, sự việc; hầu như không có các chi tiết miêu tả ngoại hình, hành vi, lời nói |

**TIẾNG VIỆT**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**CÁCH DẪN TRỰC TIẾP, CÁCH DẪN GIÁN TIẾP**

**VÀ VIỆC SỬ DỤNG DẤU CÂU**

**Thời gian thực hiện: 1 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

**1. Về kiến thức**

Cách dẫn và dùng dấu câu khi dẫn trực tiếp và gián tiếp

**2. Về Năng lực**

**2.1. Năng lực chung**

Năng lực giao tiếp, hợp tác: Thể hiện qua hoạt động làm việc nhóm trong hoạt động học tập.

**2.2. Năng lực đặc thù**

Nhận biết và phân tích được sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp; cách dùng dấu câu khi dẫn trực tiếp và gián tiếp.

1. **Phẩm chất:**

Chăm chỉ, trung trực

Chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

– SGK, SGV.

– Phiếu K-W-L (Hoạt động mở đầu), PHT.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ (5 phút)**

***a. Mục tiêu:***

– Kích hoạt được hiểu biết kiến thức nền liên quan đến nội dung bài học.

– Xác định được nội dung bài học và nhiệm vụ học tập tiếng Việt cần thực hiện.

***b. Nội dung:*** Hs đọc SGK, xác định nhiệm vụ

***c. Sản phẩm:*** Nội dung cột K và W trong phiếu K-W-L; câu trả lời miệng của HS về nhiệm vụ học tập tiếng Việt cần thực hiện.

***d. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* Đọc nhanh nội dung phần *Tri thức Ngữ văn* (Tri thức tiếng Việt) và *Thực hành tiếng Việt* để xác định nhiệm vụ học tập.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.

*\* Báo cáo, thảo luận:* 2 HS trình bày.

*\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét câu trả lời của HS, giới thiệu bài học và nhiệm vụ học tập.

**B. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI: *CÁCH DẪN TRỰC TIẾP, CÁCH DẪN GIÁN TIẾP VÀ VIỆC SỬ DỤNG DẤU CÂU (15 phút)***

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết và phân tích được sự khác nhau giữa cách dẫnvà cách dùng dấu câu khi dẫn trực tiếp và gián tiếp.

**b. Nội dung**: Hs đọc Sách giáo khoa, trả lời

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS theo nội dung nhiệm vụ học tập.

**c*. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*

(1)HS đọc *Tri thức tiếng Việt* trong SGK thực hiện PHT.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP: TÌM HIỂU VỀ VIỆC DẪN TRỰC TIẾP VÀ CÁCH DẪN GIÁN TIẾP**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Nội dung** | **Khái niệm** | **Dấu hiệu nhận biết** | **Nêu ví dụ** | | Dẫn trực tiếp |  |  |  | | Dẫn gián tiếp |  |  |  | |

(2) Nhóm 2 HS tìm sự khác nhau trong cách dẫn lời nói của nhân vật trong hai ví dụ sau:

a. Thành xem trăn trở, tự nhủ: "Phải chăng bức vẽ này chỉ cho ta chỗ bắt dế?"

b. Đoạn “Rồi nàng tắm gội chay sạch, ra bến Hoàng Giang, ngửa mặt lên trời mà than rằng: Kẻ bạc mệnh này, ...”.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự từ (1) 🡪 (2).

*\* Báo cáo, thảo luận:* 2 – 4 HS trình bày sản phẩm.

*\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS, khen ngợi những HS thực hiện tốt yêu cầu được giao, đồng thời chốt kiến thức.

**C. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (25 phút)**

**1. Hoạt động thực hành tiếng Việt**

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng được một số đặc điểm cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp; cách dùng dấu câu khi dẫn trực tiếp và gián tiếp khi tạo lập VB.

**b. Nội dung**: HS làm việc theo nhóm nhỏ

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời bài tập 1, 2, 3 trong SGK.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* Thực hiện các bài tập 1, 2, 3 trong SGK.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Các nhóm HS lần lượt thực hiện các bài tập.

*\* Báo cáo, thảo luận:* 2 – 4 HS báo cáo kết quả thực hiện, các HS khác trao đổi, bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét câu trả lời của HS và gợi ý:

**Bài tập 1:**

**–** Lời dẫn: *Nuôi vật hèn kém cuối cùng cũng vô dụng, chi bằng đem chọi lấy một tiếng cười*.

– Cách dẫn: Dùng dấu hai chấm và dấu ngoặc kép nhắc lại nguyên văn ý nghĩ của nhân vật Thành.

**Bài tập 2:**

a. 5 lần. Trong 5 lần cụm từ “cụ lớn” được sử dụng trong lời thoại của ông Giuốc-đanh, có 3 lần là lời dẫn trực tiếp được đặt trong dấu ngoặc kép và 2 lần là lời dẫn gián tiếp. (Ông Giuốc-đanh – "Cụ lớn", ồ, ồ, cụ lớn! Chú mày thong thả tí đã. Cái tiếng "cụ lớn" đáng thưởng lắm. "Cụ lớn" không phải là một tiếng tầm thường đâu nhé. Này, cụ lớn thưởng cho các chú đây).

b. Cách ông Giuốc-đanh sử dụng cụm từ cụ lớn lặp đi lặp lại thể hiện ông ta rất thích thú, hài lòng khi được thợ phụ gọi mình như vậy; qua đó cho thấy nét tính cách "trưởng giả học làm sang" của ông ta.

c. Đoạn văn sau dùng cách dẫn trực tiếp thứ hai: Biết ông Giuốc-đanh là "trưởng giả học làm sang", gã thợ phụ bèn nghĩ cách dùng lời nịnh nọt ngọt ngào để vòi tiền ông ta:

*– Bẩm cụ lớn, anh em chúng tôi đội ơn cụ lớn lắm lắm.*

Nghe vậy, ông Giuốc-đanh vô cùng đắc ý. Ông thốt lên:

*– "Cụ lớn", ồ, ồ, cụ lớn! Chú mày thong thả tí đã. Cái tiếng "cụ lớn" đáng thưởng lắm. "Cụ lớn" không phải là một tiếng tầm thường đâu nhé. Này, cụ lớn thưởng cho các chú đây.*

**Bài tập 3:**

a. Lời nói của nhân vật Vũ Nương trong đoạn trích được Nguyễn Dữ sử dụng cách dẫn trực tiếp bằng dấu hai chấm và đặt lời nói của lời nói của Vũ Nương sau gạch đầu dòng.

b. Theo cách dẫn gián tiếp, lời nói của nhân vật Vũ Nương có thể được thuật lại như sau: Chàng bèn theo lời, lập một đàn tràng ba ngày đêm ở bến Hoàng Giang. Rồi quả thấy Vũ Nương ngồi trên một chiếc kiệu hoa đứng ở giữa dòng, theo sau có đến năm mươi chiếc xe cờ tán, võng lọng, rực rỡ đầy sông, lúc ẩn, lúc hiện.

Chàng vội gọi, nhưng nàng vẫn ở giữa dòng mà nói vọng vào. Vũ Nương nói cho Trương Sinh biết rằng nàng đã thề sống chết không bỏ Linh Phi, rằng rất đa tạ chàng nhưng nàng chẳng trở về nhân gian được nữa.

Rồi trong chốc lát, bóng nàng loang loáng mờ nhạt dần mà biến đi mất.

c. Điểm khác biệt giữa lời nói của nhân vật Vũ Nương trong đoạn trích trên và phần thuật lại của HS: một bên là lời dẫn cách dẫn trực tiếp; một bên là lời dẫn cách dẫn gián tiếp.

**2. Hoạt động 4: Vận dụng; khái quát nội dung bài học (5 phút)**

***a. Mục tiêu:***

– Khái quát được nội dung chính của bài học về truyện truyền kì.

– Rút ra được những lưu ý về sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp; cách dùng dấu câu khi dẫn trực tiếp và gián tiếp.

**b. Nội dung**: HS hoạt động nhóm, cá nhân để nhắc lại kiến thức

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS khái quát về phần đọc truyện truyền kì và sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp; cách dùng dấu câu khi dẫn trực tiếp và gián tiếp.

***d. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*

(1)GV yêu cầu cặp đôi HS hoàn thành cột L của phiếu K-W-L liên quan đến truyện truyền kì, theo hướng dẫn sau:

*– Thế nào là truyện truyền kì?*

*– Nêu những đặc điểm cơ bản của truyện truyền kì?*

(2)Mỗi HS ghi ít nhất một ý trả lời cho hai câu hỏi sau:

– Em đã học được những điều gì về sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp; cách dùng dấu câu khi dẫn trực tiếp và gián tiếp?

– Trong giao tiếp, khi dùng cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp, em đã rút ra được những lưu ý gì?

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm hai HS thực hiện nhiệm vụ.

*\* Báo cáo, thảo luận:* GV mời một vài nhóm trả lời câu hỏi.

\* *Kết luận, nhận định:*GV tổng kết câu trả lời của HS, trên cơ sở đó hướng dẫn HS rút ra lưu ý: khi đọc truyện truyền kì và về những đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói.

**VIẾT**

**VIẾT MỘT TRUYỆN SÁNG TẠO DỰA TRÊN MỘT TRUYỆN ĐÃ ĐỌC**

**Thời gian thực hiện: 2 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

**1. Kiến thức**

– Kiến thức về kiểu bài viết một truyện kể sáng tạo, mô phỏng một truyện đã đọc; sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện.

– Cách viết một truyện kể sáng tạo dựa trên một truyện đã đọc.

2.**Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

– Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ của bản thân trong học tập.

– Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ.

**1.2. Năng lực đặc thù**

Viết được một truyện kể sáng tạo, có thể mô phỏng một truyện đã đọc; sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện.

**3. Phẩm chất**

Phát triển khả năng tự chủ thông qua khả năng kiểm soát bài viết dựa trên bảng kiểm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

– Máy chiếu, bảng, phấn.

– SGK, SGV, biểu bảng,…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ (5 phút)**

**1. Hoạt động xác định nhiệm vụ viết**

***a. Mục tiêu:***

Xác định được nhiệm vụ viết.

**b. Nội dung**: Làm việc cá nhân

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập cần thực hiện.

***d. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS đọc khung *Yêu cầu cần đạt* trong SGK, tên đề mục phần kĩ năng viết và trả lời câu hỏi: *Dựa vào yêu cầu cần đạt và tên đề mục phần kĩ năng viết, em hãy cho biết ở bài học này, chúng ta sẽ thực hiện nhiệm vụ viết nào?*

*\* Thực hiện nhiệm vụ*: Cá nhân HS đọc SGK và tìm câu trả lời.

*\* Báo cáo, thảo luận:* HS trả lời về nhiệm vụ học tập sẽ thực hiện.

*\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS, xác nhận lại nhiệm vụ học tập.

**2. Hoạt động giới thiệu tình huống giao tiếp khi thực hiện bài viết**

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết được tình huống giao tiếp khi thực hiện bài viết.

***b. Nội dung:*** Hs hoạt động nhóm

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về tình huống giao tiếp do GV đặt ra.

***d. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* Trong cuộc sống, chúng ta thường kể lại một câu chuyện đã đọc/ đã biết cho người khác trong bối cảnh nào?

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ.

*\* Báo cáo, thảo luận:* Một vài HS trả lời.

*\* Kết luận, nhận định*: GV ghi vắn tắt câu trả lời của HS lên bảng, tổng hợp một số tình huống giao tiếp có thể có khi kể lại một câu chuyện. Từ đó, GV giới thiệu bài học.

**B. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI ( 40 phút)**

**1. Hoạt động tìm hiểu tri thức về kiểu bài**

**1.1. Hoạt động Khởi động**

***a. Mục tiêu:*** Kích hoạt được kiến thức nền về kiểu bài *Viết một truyện kể sáng tạo, có thể mô phỏng một truyện đã đọc; sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện*.

***b. Nội dung:*** Đọc SGK, trả lời

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* Em đã từng kể lại một câu chuyện đã đọc cho người khác nghe? Khi kể, em giữ nguyên nội dung câu chuyện đã đọc hay là thay đổi, thay đổi bằng cách nào?

*\* Thực hiện nhiệm vụ*: Nhóm hai HS cùng thực hiện nhiệm vụ học tập.

*\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 2 – 3 nhóm HS trình bày câu trả lời trước lớp.

*\* Kết luận, nhận định:* GV tóm tắt ý kiến của HS, dựa vào tri thức nền mà HS đã có để tổ chức các hoạt động dạy học tiếp theo.

**1.2. Hoạt động tìm hiểu tri thức kiểu bài**

***a. Mục tiêu*:** Nhận biết được đặc điểm, yêu cầu đối với kiểu bài viết một truyện kể sáng tạo, có thể mô phỏng một truyện đã đọc; sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS đọc box thông tin và trả lời câu hỏi:

(1) Bài văn *Viết một truyện kể sáng tạo, có thể mô phỏng một truyện đã đọc; sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện* là kiểu bài gì và có những yêu cầu gì?

(2) Vẽ sơ đồ bố cục kiểu bài.

*\* Thực hiện nhiệm vụ*: Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ.

*\* Báo cáo, thảo luận:* 2 – 4 HS trả lời câu hỏi; các nhóm treo sơ đồ, sau đó cả lớp thảo luận.

*\* Kết luận, nhận định:*GV kết luận vấn đề theo định hướng trong SGK.

**2. Hoạt động hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết các yêu cầu về kiểu bài thông qua việc đọc và phân tích VB mẫu trong SGK.

***b. Sản phẩm:*** Các câu trả lời của HS về yêu cầu bài viết *Con trâu*.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập*:

(1) HS phần tóm tắt truyện *Sự tích con trâu* trong SGK (phần chú giải cuối trang 115). (Lưu ý: Trước tiết học này, GV có thể giao cho HS bài tập về nhà: tìm đọc toàn văn truyện *Sự tích con trâu*).

(2) Đọc thầm VB *Con trâu* trong SGK:

– So sánh những điểm giống và khác nhau giữa truyện *Sự tích con trâu* và VB *Con trâu.*

– Đối chiếu các đoạn trong bài văn đã được đánh số và box thông tin tương ứng ở bên phải VB.

(3) Thảo luận về các câu hỏi hướng dẫn phân tích kiểu VB.

*\* Thực hiện nhiệm vụ*: HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ từ (1) 🡪 (2) 🡪 (3).

*\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 2 – 3 nhóm HS trình bày câu trả lời.

*\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS, hướng dẫn HS nhận biết:

(1) VB *Con trâu* về cơ bản giống cốt truyện *Sự tích con trâu* nhưng có một số thay đổi.

(2) Nhấn mạnh các box thông tin ở bên phải VB thể hiện rõ yêu cầu đối với việc mô phỏng lại một truyện đã đọc*.*

(3) Trả lời các câu hỏi:

**Câu 1:** Tính sáng tạo của VB truyện so với truyện gốc được thể hiện ở những điểm sau:

– Có phần dẫn dắt của tác giả ở đầu VB.

– Có sự thay đổi về ngôi kể chuyện từ góc nhìn thứ ba sang ngôi thứ nhất.

– Kết hợp các yếu tố biểu cảm và miêu tả trong VB. Ví dụ:

|  |  |
| --- | --- |
| **Chi tiết, sự việc trong VBgốc** | **Chi tiết, sự việc trongVB *Con trâu*** |
| Ngọc Hoàng sai một vị thần mang hai túi hạt giống, một túi đựng hạt giống ngũ cốc, một túi đựng hạt giống cỏ, gieo xuống trần gian để giúp cho muôn loài có thức ăn | Giời sinh ra loài người và các giống vật nuôi, nhưng không muốn để chúng cứ ăn thịt lẫn nhau, bèn tạo ra ngũ cốc và cỏ. Ấy là mười hạt giống và một nắm rễ, mà Đức Ngọc Hoàng, một buổi sớm mát lành, vời một vị thần trên thiên đình đến giao cho, với những lời dặn:  – Nhà ngươi mang mười hạt giống này gieo xuống trần gian, mỗi hạt sẽ hoá thành muôn nghìn hạt nhỏ mọc mầm ở trên đất và gây thành ngũ cốc cho loài người; còn nắm rễ này thì nhà ngươi ném từng cái một xuống những khoảng đất nào mà ngũ cốc không lan tới, rễ sẽ nảy ra từng cánh đồng cỏ cho loài vật. Nhưng nên nhớ kĩ rằng phải gieo ngũ cốc trước đã, rồi mới ném cỏ xuống sau |

**Câu 2:**

– Yếu tố miêu tả kết hợp biểu cảm: Các chi tiết miêu tả vẻ bề ngoài của thiên thần, khung cảnh thiên nhiên đồi núi khô nẻ trước khi gieo,... kết hợp với việc thể hiện một cách gián tiếp tình cảm của người kể đối với các nhân vật, sự việc trong câu chuyện qua cách miêu tả, cách dùng từ. Ví dụ: tình cảm yêu thương, tươi vui qua cách dùng từ: "Ấy là mười hạt giống, một buổi sớm mát lành"; sự thán phục với vị thần qua cách miêu tả "In bóng lên tầng mây năm sắc rực rỡ, hình thù vị thần ấy cũng lộng lẫy, uy nghiệm,..."; niềm hi vọng qua cách dùng từ "Nhưng cái màu xanh đầy sinh khí, cái màu xanh của ngăn ngắt và nõn nà, sắp sửa nảy mầm rồi."

**Câu 3:** VB trên đã đáp ứng yêu cầu về phần mở đầu, diễn biến, kết thúc vì:

– Mở đầu: Giới thiệu về lí do có câu chuyện *Con trâu*.

+ Diễn biến truyện: Các sự kiện chính xảy ra theo logic hợp lí, kết hợp giữa các yếu tố miêu tả và biểu cảm.

+ Kết thúc: Nhân vật đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng nên bị trừng phạt.

**Câu 4:** HS có thể rút ra được những lưu ý khi viết một truyện kể sáng tạo dựa trên một truyện kể đã đọc đó là:

+ Có thể thêm, bớt hoặc điều chỉnh một vài chi tiết nhưng cần đảm bảo nội dung chính, cải biên quá nhiều sẽ làm mất đi ý nghĩa của truyện.

+ Sử dụng các yếu tố biểu cảm và miêu tả để tăng tính hấp dẫn, truyền cảm cho truyện.

**3. Hoạt động hướng dẫn quy trình viết**

***a. Mục tiêu:*** Nêu được ý nghĩa của các bước trong quy trình viết.

***b. Sản phẩm:*** Bảng tóm tắt của HS (theo mẫu PHT).

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS thảo luận và điền thông tin vào PHT.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP: Quy trình viết bài văn**   |  |  | | --- | --- | | **Quy trình viết** | **Tác dụng** | | **Bước 1: *Chuẩn bị trước khi viết*** |  | | **Bước 2: *Tìm ý và lập dàn ý*** |  | | **Bước 3: *Viết bài*** |  | | **Bước 4: *Xem lại, chỉnh sửa, rút kinh nghiệm*** |  | |

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm hai HS thực hiện nhiệm vụ.

*\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 1 – 2 nhóm trình bày kết quả thảo luận.

*\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét câu trả lời của HS và bổ sung (nếu cần).

**C. HOẠT ĐỘNG** **LUYỆN TẬP: VIẾT MỘT TRUYỆN KỂ SÁNG TẠO, PHỎNG MỘT TRUYỆN ĐÃ ĐỌC CÓ SỬ DỤNG CÁC YẾU TỐ MIÊU TẢ VÀ BIỂU CẢM (40 phút)**

**1. Hoạt động chuẩn bị trước khi viết**

**1.1. Hoạt động làm mẫu thao tác viết**

*Lưu ý:* Tuỳ theo trình độ của người học, đặc điểm kiểu bài mà GV chọn làm mẫu kĩ năng viết phù hợp. Ví dụ: ở kiểu bài này, GV có thể làm mẫu cách tìm ý cho bài viết mô phỏng một truyện có sẵn.

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết cách thực hiện thao tác trong quy trình viết mà bản thân chưa rõ.

***b. Nội dung:*** Hs làm việc cá nhân

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về cách thực hiện thao tác.

***d. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập*: Quan sát cách GV làm mẫu thao tác bằng kĩ thuật nói to suy nghĩ, sau đó, trả lời các câu hỏi sau:

– GV làm mẫu kĩ năng gì?

– Ghi lại cách thức GV thực hiện kĩ năng đó.

– Rút ra bài học kinh nghiệm gì về việc thực hiện kĩ năng này.

*\* Thực hiện nhiệm vụ :* HS thực hiện theo nhóm 4 HS.

*\* Báo cáo, thảo luận:* 2, 3 HS trả lời câu hỏi.

*\* Kết luận, nhận định*: GV tổng hợp, bổ sung cho các câu trả lời của HS.

**1.2. Hoạt động xác định mục đích, đối tượng và đề tài**

***a. Mục tiêu:*** Xác định được những việc cụ thể cần chuẩn bị cho việcviết một truyện kể sáng tạo dựa trên một truyện đã đọc.

***b. Nội dung:*** Hs Hoạt động nhóm

***c. Sản phẩm*:** Câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập*:

(1) Nhóm 2 HS đọc đề bài và chọn một truyện mà các em đã biết và đáp ứng các tiêu chí nêu trong SGK. GV có thể giới thiệu một số truyện cho các nhóm lựa chọn.

(2) Tìm ý cho bài viết bằng cách:

– Đọc kĩ truyện đã chọn.

– Điền thông tin vào cột 1 trong PHT sau (làm trên giấy A0).

– Ghi những nội dung dự định thay đổi trong truyện gốc vào cột 2.

*Lưu ý*: GV nhắc HS cần giữ nguyên chủ để của truyện gốc.

**PHIẾU TÌM Ý**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Truyện gốc** | **Truyện mô phỏng** |
| Tên truyện |  |  |
| Các tình tiết, sự kiện chính |  |  |
| Bối cảnh câu chuyện |  |  |
| Các nhân vật |  |  |
| Ngôi kể |  |  |
| Chủ đề |  |  |

(3) Dựa vào cột 2 trong bảng trên, vẽ sơ đồ dàn ý cho bài viết:

**Mở đầu truyện**

– Bối cảnh xảy ra câu chuyện:

...................................................................

– Nhân vật chính:

.....................................................................

**Diễn biến truyện**

– Sự việc thứ nhất

...................................................................

– Sự việc thứ hai

..................................................................

– Sự việc thứ ....

...................................................................

**Kết thúc truyện**

Vấn đề được giải quyết

...................................................................

hoặc trình bày những suy ngẫm

...................................................................

*\* Thực hiện nhiệm vụ*: Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự (1) 🡪 (2) 🡪 (3)

*\* Báo cáo, thảo luận:*

(1) Các nhóm nêu tên truyện đã chọn để kể lại, giải thích căn cứ chọn truyện đó.

(2) Đại diện 4 nhóm HS treo Phiếu tìm ý, cả lớp thảo luận, góp ý.

(3) Các nhóm treo sơ đồ dàn ý, cả lớp thảo luận, góp ý.

*\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS, góp ý cho việc chọn truyện, hướng dẫn điều chỉnh phiếu tìm ý, sơ đồ dàn ý.

**2. Hoạt động tìm ý, lập dàn ý và viết bài**

***a. Mục tiêu:***

**–** Viết được một truyện kể sáng tạo với đề tài tự chọn, phỏng theo một truyện đã đọc (khoảng 1000 chữ) có sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm.

– Biết cách tự chỉnh sửa bài viết của bản thân.

**b. Nội dung:** Hs hoạt động nhóm

***c. Sản phẩm:*** Bài viết của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập*: HS tìm hiểu *Bảng kiểm* *kĩ năng viết một truyện kể sáng tạo mô phỏng truyện đã đọc*, sau đó, viết bài dựa trên dàn ý mà nhóm đã lập, đồng thời tiếp tục sử dụng bảng kiểm để tự điều chỉnh bài viết.

*\* Thực hiện nhiệm vụ*: Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

*\* Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày bài viết của mình trước lớp hoặc gửi vào nhóm lớp học ảo của lớp để các HS khác đọc, góp ý dựa trên bảng kiểm.

*\* Kết luận, nhận định:*Ở hoạt động này, GV chưa nên đánh giá, nhận xét bài viết của HS. Việc này nên được thực hiện sau khi tổ chức cho HS tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau và tự chỉnh sửa bài viết của mình.

**3. Hoạt động xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm**

**3.1. Hoạt động xem lại, chỉnh sửa**

***a. Mục tiêu:***

– Nêu được nhận xét về bài viết của HS khác trong lớp.

– Tiếp tục điều chỉnh bài viết của bản thân.

***b. Nội dung:*** Thực hiện nhiệm vụ

***c. Sản phẩm:*** Phần nhận xét, đánh giá bài viết của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập*:

(1) Hai HS đổi bài cho nhau, dùng *Bảng kiểm* *kĩ năng viết một truyện kể sáng tạo mô phỏng truyện đã đọc* để góp ý cho bài của bạn. Lưu ý: hoạt động này có thể được thực hiện online, trên lớp học ảo.

(2) Phản hổi của HS về những góp ý của bạn.

*\* Thực hiện nhiệm vụ*: Nhóm hai HS lần lượt thực hiện từng nhiệm vụ.

*\* Báo cáo, thảo luận:* Một số nhóm HS chia sẻ góp ý cho bài của bạn và phản hồi về góp ý của bạn.

*Lưu ý*: Trường hợp GV đã tổ chức cho HS công bố bài viết trên lớp học ảo thì GV sẽ chọn một hoặc hai bài, chiếu trên màn hình lớp học thực để cả lớp góp ý, dựa trên bảng kiểm.

*\* Kết luận, nhận định:*GV đánh giá và nhận xét trên hai phương diện:

– Những ưu điểm cần phát huy và những điểm cần chỉnh sửa trong các bài viết.

– Cách nhận xét, góp ý cho bài viết của bạn.

**3.2. Hoạt động rút kinh nghiệm**

***a. Mục tiêu:*** Rút ra được bài học kinh nghiệm về cách viết một truyện kể sáng tạo, mô phỏng truyện đã đọc.

**b. Nội dung**: HS thực hiện theo yêu cầu

***c. Sản phẩm:*** Những kinh nghiệm rút ra của HS về cách viết một truyện kể sáng tạo mô phỏng truyện đã đọc có sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm.

***d. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập*: Mỗi HS ghi lại ít nhất hai bài học kinh nghiệm về viết một truyện kể sáng tạo mô phỏng truyện đã đọc có sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm, sau quá trình viết và thảo luận về bài viết với các bạn cùng lớp.

*\* Thực hiện nhiệm vụ*: HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân.

*\* Báo cáo, thảo luận:* mời HS chia sẻ những kinh nghiệm mà mình rút ra được.

*\* Kết luận, nhận định:*GV tổng kết, nhận xét, đánh giá.

**D. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, MỞ RỘNG (5 phút)**

***a. Mục tiêu:*** Chỉnh sửa được những nội dung chưa hoàn chỉnh trong bài viết của bản thân.

***b. Nội dung: Hs hoạt động cá nhân***

***c. Sản phẩm:*** Bài viết đã được chỉnh sửa một số phần của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập*: HS về nhà viết lại những phần chưa đáp ứng yêu cầu kiểu bài.

*\* Thực hiện nhiệm vụ*: HS về nhà thực hiện nhiệm vụ học tập.

*\* Báo cáo, thảo luận:* HS công bố bài viết trên trang web của lớp hoặc Bảng học tập của lớp. Các HS khác đọc và phản hồi bằng cách bình luận, hoặc biểu thị cảm xúc đối với bài viết đã chỉnh sửa của bạn.

*\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét thái độ tích cực, chủ động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

**NÓI VÀ NGHE**

**KỂ MỘT CÂU CHUYỆN TƯỞNG TƯỢNG**

**Thời gian thực hiện: 1 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

**1. Kiến thức**

Cách kể một câu chuyện tưởng tượng.

**2. Năng lực**

**2.1. Năng lực chung**

– Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

– Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

**2.2. Năng lực đặc thù**

Biết kể một câu chuyện tưởng tượng (có bối cảnh, nhân vật, cốt truyện,...).

**3. Phẩm chất**

Có khả năng tưởng tượng sáng tạo.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

– SGK, SGV.

– Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, phấn/ bút lông.

– PHT.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ (5 phút)**

***a. Mục tiêu:*** Kích hoạt được kiến thức nền về kĩ năng kể chuyện.

**b. Nội dung**: Thực hiện nhiệm vụ

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về hiểu biết nền liên quan đến kĩ năng kể lại câu chuyện tưởng tượng.

***d. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS thảo luận về câu hỏi: Em đã từng kể lại câu chuyện nào đó cho người khác nghe chưa? Kể trong bối cảnh nào?

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm hai HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

*\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 2 – 3 HS trả lời câu hỏi, các HS khác nghe, bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:* GV tổng hợp các câu trả lời của HS, dẫn dắt vào bài học.

**B. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (20 phút)**

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết được những điểm giống và khác nhau của hai kiểu bài kể chuyện tưởng tượng.

**b. Nội dung:** Hoạt động nhóm trả lời các câu hỏi

***c. Sản phẩm:*** Thông tin điền vào bảng yêu cầu đối với hai kiểu bài.

***d. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS đọc thông tin trong bước 1 trong SGK và điền vào bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Kể một câu chuyện tưởng tượng** | **Kể lại một câu chuyện mô phỏng truyện đã đọc** |
| **Giống nhau** | ..................................................................................................................... | |
| **Khác nhau** | ......................................................... | ......................................................... |

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ.

*\* Báo cáo, thảo luận:* 2 – 3 HS báo cáo sản phẩm, nhóm khác trao đổi, bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:*GV tổng kết ý kiến của HS, kết luận dựa trên định hướng sau:

– Điểm giống nhau giữa hai kiểu bài: Có bối cảnh (không gian, thời gian diễn ra câu chuyện); có cốt truyện (chuỗi hành động của các nhân vật); có nhân vật (con người, con vật, thần tiên, cây cối, đồ vật,...).

– Điểm khác nhau giữa hai kiểu bài: Kể một câu chuyện tưởng tượng:Hoàn toàn do người kể sáng tạo; Kể lại một câu chuyện mô phỏng truyện đã đọc:Dựa trên nội dung truyện gốc, thay đổi, điều chỉnh một số chi tiết, ngôi kể,...

**C. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP ( 15 phút)**

**1. Hoạt động thực hiện nhiệm vụ Nói và nghe**

**1.1. Hoạt động xây dựng dàn ý cho câu chuyện**

***a. Mục tiêu:*** Phác thảo được dàn ý cho câu chuyện sẽ kể.

***b. Nội dung: Thực hiện theo yêu cầu***

***c. Sản phẩm:*** Dàn ý cho câu chuyện tưởng tượng.

***d. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm 2HS thực hiện PHT. Lưu ý: HS có thể kể lại câu chuyện dựa trên câu chuyện đã viết trong tiết học Viết hoặc kể lại một câu chuyện khác.

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP: XÂY DỰNG DÀN Ý CHO CÂU CHUYỆN TƯỞNG TƯỢNG**  1. Tên câu chuyện: …  2. Bối cảnh, nhân vật, các sự kiện chính cần làm rõ trong khi kể  a. Bối cảnh  – Không gian: …...............................................................................................................  – Thời gian: ......................................................................................................................  b. Các nhân vật: ..............................................................................................................  c. Các sự kiện chính cần làm rõ trong khi kể:  – Sự kiện thứ nhất: .........................................................................................................  – Sự kiện thứ hai: ...............................................................................................................  – Sự kiện thứ ba: ................................................................................................................ |

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm HS thực hiện xong nhiệm vụ (1) 🡪 (2).

*\* Báo cáo, thảo luận:* 2 – 3 HS trình bày sản phẩm để cả lớp trao đổi, góp ý.

*\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét sản phẩm của HS, điều chỉnh những nội dung chưa hợp lí (nếu có).

**1.2. Hoạt động kể chuyện**

***a. Mục tiêu:***

– Kể lại được câu chuyện tưởng tượng*.*

– Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

***b. Nội dung:*** Hs hoạt động nhóm

***c. Sản phẩm:*** Câu chuyện tưởng tượng được kể bằng lời, lời nhận xét, góp ý cho cách kể của bạn.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* Dựa trên dàn ý đã lập, kể lại câu chuyện bằng lời nói trong nhóm.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ trong nhóm 4, 5 HS, 1 HS kể, các HS khác nghe, góp ý dựa trên *Bảng kiểm kĩ năng kể một câu chuyện tưởng tượng*.

*Lưu ý*: GV có thể tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ này ở nhà: tự kể câu chuyện và quay clip, gửi vào nhóm học tập ảo của lớp học.

*\* Báo cáo, thảo luận:* 2 HS đại diện cho 2 nhóm kể lại câu chuyện, các HS lắng nghe, góp ý dựa trên bảng kiểm.

*\* Kết luận, nhận định:*GV tổng kết ý kiến góp ý của các nhóm, nhận xét về kĩ năng kể chuyện của 2 HS.

**2. Hoạt động trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm**

***a. Mục tiêu:*** Rút ra được bài học kinh nghiệm về cách kể câu chuyện tưởng tượng.

***b. Nội dung:*** Hoạt động nhóm thực hiện theo yêu cầu

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời và lời nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS trả lời câu hỏi: Rút ra hai bài học kinh nghiệm về cách kể câu chuyện tưởng tượng bằng lời nói.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.

*\* Báo cáo, thảo luận:* Mời một số HS trình bày bài học kinh nghiệm, HS sau không lặp lại ý kiến của HS trước.

*\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS trên ba phương diện:

+ Những ưu điểm cần phát huy và những điểm cần lưu ý, điều chỉnh về cách kể một câu chuyện tưởng tượng.

+ Cách nhận xét, đánh giá việc kể lại một câu chuyện tưởng tượng (thông qua Bảng kiểm).

+ Cách HS lắng nghe và phản hồi với nhận xét, đánh giá của các HS khác.

**D. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (5 phút)**

***a. Mục tiêu:*** Thực hiện được các bài tập ôn tập trong SGK (làm ở nhà).

***b. Sản phẩm:*** Kết quả thực hiện các bài tập ôn tập 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 trong SGK.

***c. Tổ chức thực hiện:***

\* *Giao nhiệm vụ học tập*: HS thực hiện 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 trong SGK.

\* *Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS thực hiện bài tập ôn tập ở nhà.

*\* Báo cáo, thảo luận* và *Kết luận, nhận định:* Thực hiện ở tiết ôn tập.

**ÔN TẬP**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY ÔN TẬP**

**Thời gian thực hiện: 1 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài này, HS vận dụng được các kiến thức, kĩ năng đã học trong bài để thực hiện các nhiệm vụ ôn tập.

**1.Kiến thức:**

- Ôn tập truyện truyền kỳ; các yếu tố trong truyện truyền kỳ

- Nói và nghe kể một câu chuyện tưởng tượng

- Viết truyện kể sáng tạo dựa trên một truyện đã học

1. **Năng lực**

**Năng lực chung:**

– Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

– Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

**Năng lực đặc thù**

- Tổng hợp những kiến thức đã học

1. **Phẩm chất:**

**-** Sáng tạo, tự chủ, trung thực

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

Bảng, phấn/ viết lông, SGK, SGV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Họat động 1: Xác định vấn đề (5 phút)**

***a. Mục tiêu:*** Trình bày phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập đã thực hiện ở nhà.

***b. Nội dung:*** Thực hiện theo yêu cầu

***c. Sản phẩm:***Câu trả lời cho các câu hỏi Ôn tập của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS xem lại phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập đã thực hiện ở nhà, sau đó trình bày kết quả theo hình thức nhóm đôi.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS xem lại, chỉnh sửa, hoàn thiện phần chuẩn bị ở nhà, sau đó chia sẻ với bạn cùng nhóm đôi.

*\* Báo cáo, thảo luận*: HS trình bày kết quả phần chuẩn bị. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá phần chuẩn bị của HS. Sau đó, dẫn dắt vào bài

1. **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới: (20 phút)**

***a. Mục tiêu:*** Trình bày phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập đã thực hiện ở nhà.

***b. Nội dung:*** Thực hiện theo yêu cầu

***c. Sản phẩm:***Câu trả lời cho các câu hỏi Ôn tập của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS xem lại phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập đã thực hiện ở nhà, sau đó trình bày kết quả theo hình thức nhóm đôi.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS xem lại, chỉnh sửa, hoàn thiện phần chuẩn bị ở nhà, sau đó chia sẻ với bạn cùng nhóm đôi.

*\* Báo cáo, thảo luận*: HS trình bày kết quả phần chuẩn bị. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá phần chuẩn bị của HS. Sau đó, GV kết luận những kiến thức trọng tâm về kĩ năng đọc, viết, nói và nghe đã được học.

**Câu 1:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Văn bản** | **Yếu tố kì ảo** | **Tác dụng** |
| *Chuyện người con gái Nam Xương* | – Nhân vật và thế giới kì ảo: nhân vật Linh Phi, Phan Lang, ... dưới thuỷ phủ  Linh Phi hoá thân vào con rùa, báo mộng cho Phan Lang và được Phan Lang cứu sống; việc cứu sống Vũ Thị, trả ơn Phan Lang của Linh Phi  – Việc lập đàn giải oan, cảnh Trương Sinh và Vũ Nương gặp gỡ trong cách biệt | Thể hiện niềm cảm thương số phận những người phụ nữ, thể hiện niềm mong ước: người tốt sẽ được thần nhân phù trợ |
| *Truyện lạ nhà thuyền chài* | – Nhân vật và thế giới kì ảo: nhân vật Ngoạ Vân, cha mẹ Ngoạ Vân, "gã bán kinh"; cuộc gặp gỡ kì lạ ở không gian biển khơi, đảo ấp; yếu tố "thiên cơ" và những luật lệ khác trần gian  – Hành động kì ảo: việc gã bán kinh đưa cha mẹ Thúc Ngư về nhà, thuật rẽ nước và phép thuật chống lại sóng dữ của Ngoạ Vân | – Thể hiện nét đặc biệt của nhân vật kì ảo (có sức mạnh siêu nhiên), đồng thời thể hiện hình ảnh, tính cách của con người  – Làm rõ chủ đề: ca ngợi sự hiếu nghĩa của người phụ nữ Việt Nam qua câu chuyện tình kì ảo giữa con người và thần linh |
| *Dế chọi* | Thế giới và nhân vật kì ảo:  – Thầy bói chỉ cách bắt dế  – Con dế kì lạ (không rõ là dế hay người)  Tình tiết/ biến hoá kì ảo:  – Người sắp chết nhập hồn hoá dế  – Dế quý (lanh lẹ, chọi giỏi), cứu người, hoá người | – Góp phần tô đậm tình cảnh cùng quẫn của dân chúng vì nạn dâng dế quý  – Góp phần thể hiện số phận thăng trầm, "lên voi, xuống chó" của nhân vật là vì dế, nhờ dế |

**Câu 2:** Có thể giải thích bằng một số lí do:

– Thế giới truyền kì vốn là thế giới khác biệt với thế giới thực bởi tính kì ảo;

– Sức hấp dẫn của truyện truyền kì là ở trí tưởng tượng, khả năng sáng tạo yếu tố kì ảo;

– Yếu tố kì ảo giúp tác giả thực hiện được lối nói “ngụ ngôn”, mượn chuyện xảy ra trong thế giới kì ảo để ám chỉ về thế giới thực mà tránh được những điều rắc rối, phiền phức.

**Câu 3:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cách đọc** | **Truyện không sử dụng yếu tố kì ảo** | **Truyện sử dụng yếu tố kì ảo** |
| Giống nhau | Tìm hiểu bối cảnh, bố cục, cốt truyện, sự kiện, nhân vật, chủ đề,... | |
| Khác nhau | Tìm hiểu những chi tiết, sự kiện, nhân vật có thật trong đời sống | Tìm hiểu những chi tiết, sự kiện, nhân vật kì ảo |

**Câu 4:**

– GV cho HS đọc lại mục *Cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp và việc sử dụng dấu câu*, chỉ ra sự khác biệt qua định nghĩa và cách sử dụng dấu câu (phần dẫn trực tiếp thường được đặt trong dấu ngoặc kép; phần dẫn gián tiếp thường dùng kèm các từ "*rằng*", "*là*",... và không được đặt trong ngoặc kép).

– HS tự lấy ví dụ và chỉ ra sự khác biệt giữa hai cách trích dẫn trong các ví dụ này.

**Câu 5, câu 6, câu 7:** HS trả lời dựa trên tri thức nền và trải nghiệm cá nhân.

1. **Hoạt động 3: luyện tập (15 phút)**

***a. Mục tiêu:***

– Củng cố được kiến thức đã học về Đọc, tiếng Việt, Viết, Nói và nghe trong bài học.

– HS trình bày thêm ý kiến về câu hỏi lớn đầu bài học, qua đó hiểu thêm về chủ điểm *Truyện truyền kì.*

***b.Nội dung:*** Thực hiện theo yêu cầu

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS các câu hỏi trong SGK.

***d. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm 2 HS thảo luận về các câu hỏi trong SGK:

1. *Những câu chuyện kì lạ về con người trong thế giới kì ảo có thể mang lại cho ta những bài học gì?*

3*. Bài học ứng xử em rút ra được sau khi học chủ điểm này là gì?*

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS phác thảo câu trả lời, sau đó trao đổi với bạn cùng nhóm.

*\* Báo cáo, thảo luận*: HS trình bày câu trả lời trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét, tổng kết câu trả lời của HS. GV khơi gợi để HS tiếp tục suy nghĩ về câu hỏi lớn sau khi kết thúc bài học.

Trước khi ôn tập, GV cần hướng dẫn HS hoàn thành bài tập trong phần *Ôn tập*. Trong lớp học, GV nên dành 1 tiết để HS chia sẻ kết quả làm bài.

1. **Hoạt động 4: Vận dụng (5 phút)**
2. ***Mục tiêu:*** Chỉnh sửa được những nội dung chưa hoàn chỉnh trong bài viết của bản thân.
3. Nội dung: Thực hiện yêu cầu

***c. Sản phẩm:*** Bài viết đã được chỉnh sửa một số phần của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập*: HS về nhà viết lại những phần chưa đáp ứng yêu cầu kiểu bài.

*\* Thực hiện nhiệm vụ*: HS về nhà thực hiện nhiệm vụ học tập.

*\* Báo cáo, thảo luận:* HS công bố bài viết trên trang web của lớp hoặc Bảng học tập của lớp. Các HS khác đọc và phản hồi bằng cách bình luận, hoặc biểu thị cảm xúc đối với bài viết đã chỉnh sửa của bạn.

*\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét thái độ tích cực, chủ động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.